TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1796 /2020/QĐST - DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phùng Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nở

Ông Huỳnh Trường Sơn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên họp: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 654/2018/DSST ngày 15/8/2018 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

XÉT THẤY:

Đối với bà Trần Thị Túy H và bà Trần Thị Túy H1 là con của ông Trần Minh T, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp địa chỉ đúng của bà H , bà H1 nhưng các đương sự không biết hiện nay bà H bà H1 đang cư trú tại đâu. Do đó, Tòa án không xác định được địa chỉ cư trú của bà H , bà H1. Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 04/2019/NQ- HĐTP ngày 18/6/2019 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ, căn cứ Án lệ số 06 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, xét thấy mặc dù không xác định được địa chỉ của bà Trần Thị Túy H và bà Trần Thị Túy H1 là con của ông Trần Minh T nhưng Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu của nguyên đơn vắng mặt các đương sự nêu trên.

Căn cứ Bằng khoán số 491 ngày 19/11/1951 Saigon - Avalanche và lời thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nhà đất số 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Trần Thị Th chết để lại. Theo nội dung di chúc bà Th không có chồng con, cha mẹ bà Th là ông Trần Minh H2 và mẹ là Lê Thị M đã chết. Do đó, bà Thọkhông có người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc theo Điều 664 Bộ luật dân sự 2015. Ngoài ra nội dung di chúc có nêu *"...Sau khi tôi chết rồi thì căn nhà ở đường*

NBK Saigon 41/3 (lô đất 491) cho ông Trần Minh T ở khi nào ông Trần Minh T là em ruột của tôi nếu không ở hay là chết rồi thì tôi cho mấy cháu tôi là con của ông Trần Minh L…”. Theo Giấy chứng tử số 17, quyển số 01/2008 ngày 24/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã NB, thành phố QN, tỉnh B thì ông Trần Minh T đã chết ngày 23/3/2008. Nội dung di chúc xác định bà Th cho ông T ở nếu ông T chết thì di sản do bà Th chết để lại sẽ cho các con của ông Trần Minh L, do đó, bà Trần Thị Túy H và bà Trần Thị Túy H1 là con của ông Trần Minh T không phải là người thừa kế theo di chúc của bà Th. Theo lời khai của các đương sự và chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Trần Minh L có các con gồm: Trần Minh Đ, Trần Thiên Ng, Trần Thị Thiên K, Trần Minh Tr, Trần Minh Đ1, Trần Minh P chết năm 1989 không có chồng con. Bà Th chết ngày 22/12/1997, bà P chết năm 1989 là trước thời điểm mở thừa kế, do đó căn cứ quy định tại Điều 638 Bộ luật dân sự 1995 thì những người thừa kế theo di chúc của bà Th gồm: Trần Minh Đ, Trần Thiên Ng, Trần Thị Thiên K, Trần Minh Tr, Trần Minh Đ1.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Xét, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thiên K, sinh năm 1964.

Hộ khẩu thường trú: 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 33 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh Nh và bà Huỳnh Thị Như H2 – Luật sư của Công ty Luật TNHH TQ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Minh Tr, sinh năm 1960

Địa chỉ : 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1956

Địa chỉ : 11 Avenue Vavin, 75006 Paris, Pháp

2/ Bà Trần Thiên Ng, sinh năm 1958

Địa chỉ : 28 Rue de la Cerisaise, 94220 Charenton – le - Pont

Người đại diện hợp pháp của ông Đệ bà Nga: Bà Trần Thị Thiên K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 33 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019 lập tại Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp và Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp).

3/ Ông Trần Minh Đ1, sinh năm 1970

Địa chỉ: 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ: Bà Cao Ngọc Th, sinh năm 1972

Địa chỉ : 16/10 MXT, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020 lập tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

4/ Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1962

5/ Bà Trần Thị Mai P1, sinh năm 1992

6/ Bà Trần Thị Mai H3, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Bà Trần Thị Túy H

8/ Bà Trần Thị Túy H1

Địa chỉ : không rõ địa chỉ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các ông bà: Trần Minh Đ, Trần Thiên Ng, Trần Minh Đ1, Trần Thị Thiên K, Trần Minh Tr thống nhất chỉ chia giá trị quyền sử dụng đất tại số 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 7.546.500.000 đồng thành 06 phần, tương đương giá trị mỗi phần là 1.257.750.000 đồng, ông Trần Minh Tr được hưởng giá trị xây dựng là nhà trên đất là 150.000.000 đồng, 1/6 giá trị quyền sử dụng đất và công sức gìn giữ di sản là 50% giá trị 01 suất thừa kế. Các đồng thừa kế còn lại mỗi người được hưởng 1/6 giá trị quyền sử dụng đất và ¼ của 50% giá trị 01 suất thừa kế.

Cụ thể: Ông Trần Minh Tr được hưởng 150.000.000 đồng giá trị xây dựng là nhà trên đất, và 3/12 giá trị quyền sử dụng đất tương đương 1.886.625.000 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Ông Trần Minh Đ bà Trần Thiên Ng, bà Trần Thiên K, ông Trần Minh Đ1 mỗi người được hưởng 9/48 giá trị quyền sử dụng đất tương đương 1.414.968.750 đồng (Một tỷ bốn trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Giao cho ông Trần Minh Tr được sở hữu nhà đất số 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Minh Tr có nghĩa vụ hoàn trả đủ giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Trần Minh Đ, bà Trần Thiên Ng, bà Trần Thiên K, ông Trần Minh Đ1 mỗi người là 9/48 giá trị quyền sử dụng đất, tương đương 1.414.968.750 đồng (Một tỷ bốn trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Thực hiện tại cơ quan thi hành có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp sau khi hoàn trả đầy đủ giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác thì ông Trần Minh Tr được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sở hữu nhà đất số 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong trường hợp ông Trần Minh Tr không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại thì các ông bà: Trần Minh Đ, Trần Thiên Ng, Trần Minh Đ1, Trần Thị Thiên K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà đất tại số 41/3 NBK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi số tiền 150.000.000 đồng giá trị xây dựng, số tiền còn lại sẽ chia cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ tương ứng nêu trên.

- Về chi phí đo vẽ, định giá tài sản: ông Trần Minh Tr, bà Trần Thiên Ng, ông Trần Minh Đ, ông Trần Minh Đ1 mỗi người phải hoàn lại cho bà Trần Thị Thiên K số tiền 1.796.947 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi bảy đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Thiên K, ông Trần Minh Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 54.449.063 đồng (Năm mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn không trăm sáu mươi ba đồng). Bà Trần Thị Thiên K đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049385 ngày 14/8/2018 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Thiên K còn phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm là 36.449.063 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn không trăm sáu mươi ba đồng). Ông Trần Minh Đ, ông Trần Minh Tr, bà Trần Thiên Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TC;
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-Cục THADS TP.HCM;
-Các đương sự;
-Lưu (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Hải


366-DSST-22.5.18
1 000081 747213
Vương Đức Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trường Sơn **Nguyễn Thị Nở** **Phùng Văn Hải**